

Số: /QĐ - UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 32/TTr-SNNMT ngày 13/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh, địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm, quần áo – Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh” tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm, quần áo – Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2300243173 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/8/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/03/2024.

Giấy phép đầu tư số 103/GPĐT-KCN-BN do Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh, cấp ngày 14/9/2004; chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư số 103/GCNĐC3/21/2 ngày 04/8/2014.

1.4. Mã số thuế: 2300243173.

1.5. Loại hình sản xuất:

- Sản xuất chăn, ga và các sản phẩm may mặc khác;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi: Cơ sở hoạt động tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, với tổng diện tích là 29.149m².

- Cơ sở với tổng mức đầu tư 64.335.055.000 VNĐ thuộc Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở Nhóm III, thuộc STT3, mục số III, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

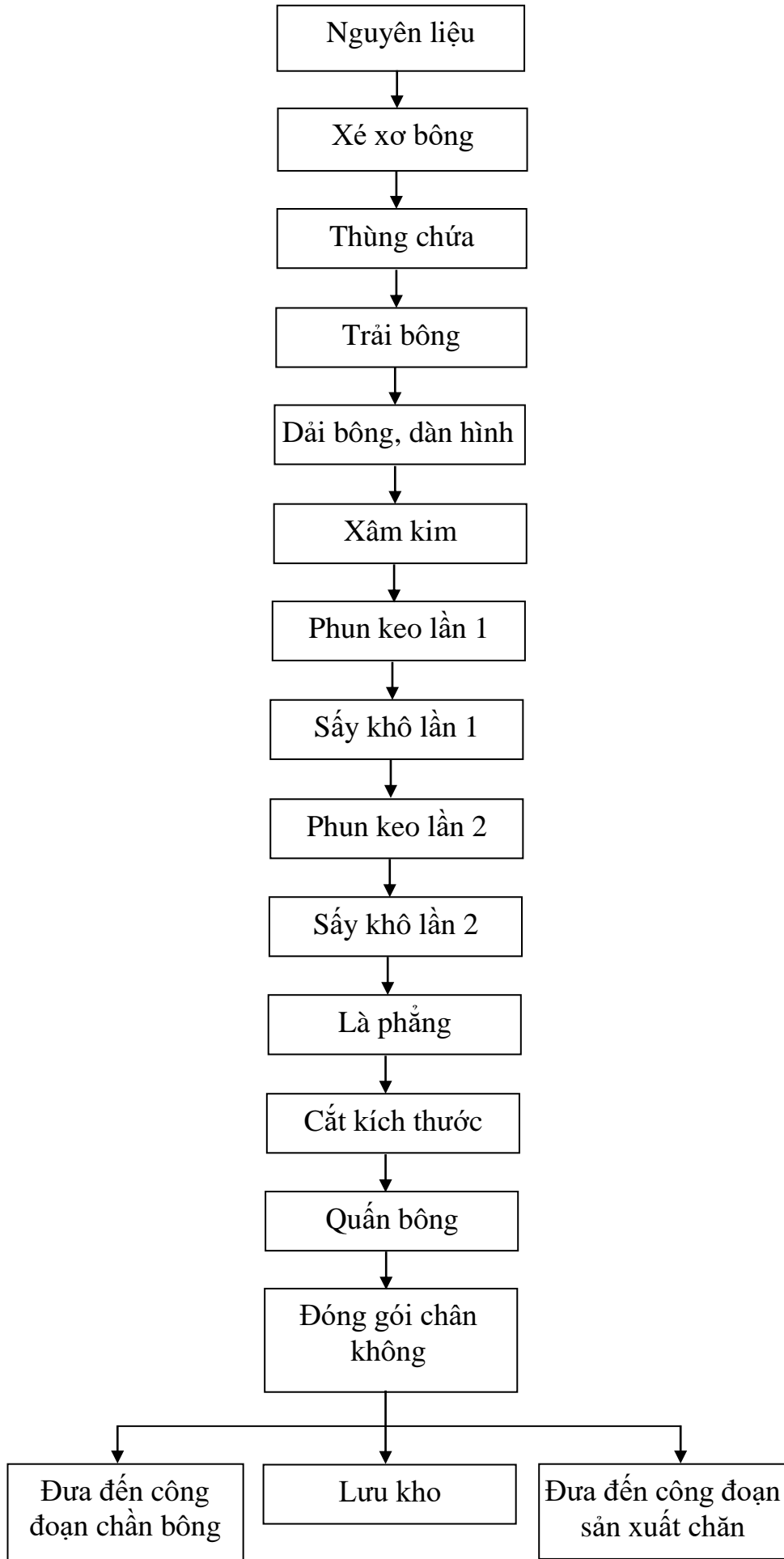
1.6.2. Quy mô, công suất đề xuất cấp phép:

- Sản xuất chăn, ga và các sản phẩm may mặc khác, với quy mô 2.000.000 sản phẩm/năm.

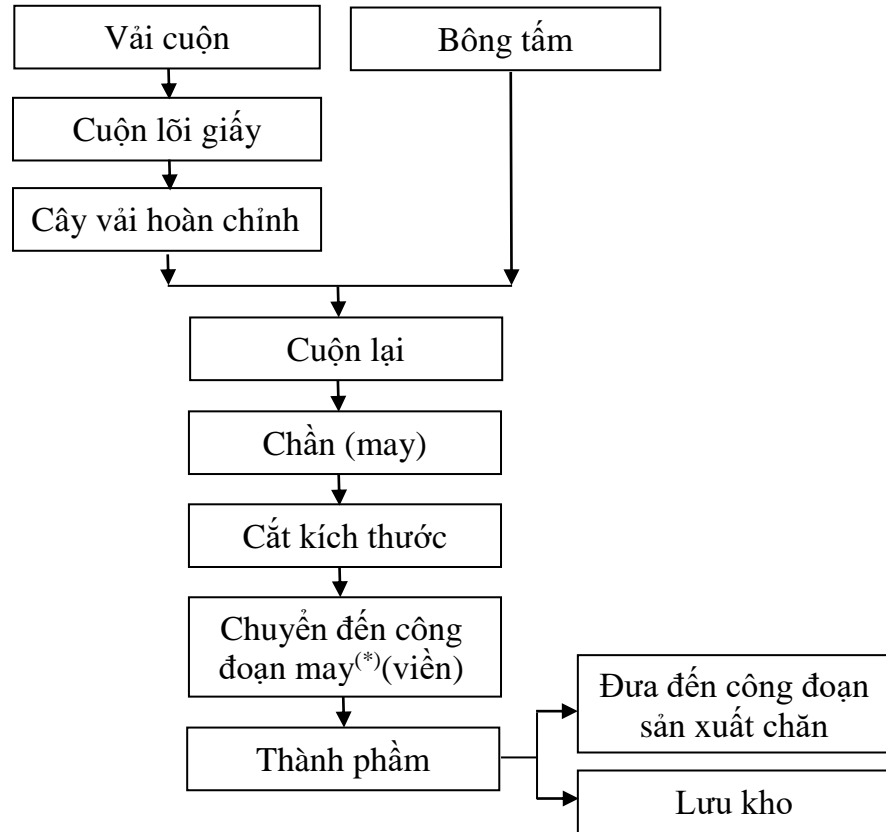
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, với quy mô 8.800m².

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất bông tằm, vải không dệt của cơ sở:



- Quy trình chần bông của cơ sở:



- Quy trình sản xuất chần của cơ sở:

Bông tằm và bông đã chần → Lòng vỏ chần → Chần định hình chần → Thành phẩm → Đóng gói.

- Quy trình sản xuất ga của cơ sở:

Nguyên liệu → Cắt kích thước → Chần cố định → Là điện → May hoàn thiện(*) → Kiểm tra → Đóng gói thành phẩm.

- Quy trình sản xuất gói của cơ sở:

Nguyên liệu → Xé xơ bông → Trộn, đánh toi bông → Cuộn bông → Đùn bông vào vỏ gói → Cân khối lượng → Khâu miệng gói → Ép chân không → Đóng gói.

(*) Quy trình may của cơ sở:

Nguyên liệu vải (đã cắt) và nguyên liệu chần (đã chần) → May hoàn thiện → Kiểm tra sản phẩm → Chuyển tới công đoạn sản xuất khác hoặc đóng gói, nhập kho thành phẩm.

- Quy trình cho thuê nhà xưởng, kho bãi của cơ sở:

Nhà xưởng và kho bãi dư thừa có nhu cầu cho thuê → Cho công ty có nhu cầu thuê → Thu tiền cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh, cơ quan chức năng địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh, cơ quan chức năng địa phương để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn cấp Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm, quần áo – Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 636/QĐ-SNNMT ngày 03/10/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính

xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm, quần áo – Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty Cổ phần ABC Bắc Ninh và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở và cán bộ, công nhân làm việc tại các đơn vị thuê lại nhà xưởng, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý đạt tiêu chuẩn của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, sau đó được đưa về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn hiện hành, trước khi thải ra ngoài môi trường.

Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của cơ sở và các đơn vị thuê lại nhà xưởng, được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 25m³, được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D34mm, D48mm, D90mm (tùy từng khu vực) về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm, sau đó được về hố ga thu gom nước thải của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, qua 01 vị trí đầu nối.

+ Tọa độ vị trí đầu nối: X = 2334992; Y = 394705 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Số lượng: 01 hệ thống.

+ Công suất: 30m³/ngày đêm.

+ Công nghệ xử lý: Sinh học.

+ Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Hố gom → Bể vi sinh hiếu khí 1 → Bể vi sinh hiếu khí 2 → Bể biofilm → Nước thải đầu ra đạt Tiêu chuẩn KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn.

+ Tiêu chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn.

+ Chế độ vận hành: Liên tục.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cam kết thực hiện ghi chép nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường.
- Lắp đặt các van khoá tại điểm đầu nối để đóng cửa xả ra ngoài môi trường khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.
- Thành lập đội vệ sinh thường xuyên thu gom rác thải để tránh gây tắc nghẽn dòng nước.
- Định kỳ, thường xuyên vệ sinh đường cống thoát nước, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải; kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống thoát nước để phát hiện và xử lý kịp thời trong trường hợp gặp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống thu gom nước thải.
- Những người vận hành các công trình xử lý được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến vận hành trong 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni, tổng Nito, tổng Photpho, Coliform.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi thải phát sinh từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tằm;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn phun keo trong quá trình sản xuất bông tằm;
- Nguồn số 03: Hoi, khí thải phát sinh từ công đoạn sấy keo trong quá trình sản xuất bông tằm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống thu hồi bụi thải từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tằm (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: $X1 = 2334918$, $Y1 = 394783$;
- Dòng khí thải số 02 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun keo và sấy keo trong quá trình sản xuất bông tằm (nguồn số 02, 03), tọa độ vị trí xả thải: $X2 = 2334915$; $Y2 = 394780$.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $38.000\text{m}^3/\text{h}$, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: $30.000\text{m}^3/\text{h}$;
- Dòng khí thải số 02: $8.000\text{m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi PM	mg/Nm ³	100		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi PM	mg/Nm ³	100		
3	SO ₂	mg/Nm ³	350		
4	CO	mg/Nm ³	450		
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Được thu gom và xử lý tại hệ thống thu hồi bụi thải từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tằm, công suất 30.000m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun keo và sấy keo trong quá trình sản xuất bông tằm, công suất 8.000m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống thu hồi bụi thải từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tằm, công suất 30.000m³/giờ (01 hệ thống, ký hiệu OK1), cụ thể như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh → Chụp hút/ống hút → Hệ thống đường ống dẫn khí → Tháp lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất: 30.000m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi.

+ Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun keo và sấy keo trong quá trình sản xuất bông tằm, công suất 8.000m³/giờ (01 hệ thống, ký hiệu OK2), cụ thể như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ công đoạn phun keo và hơi, khí thải, nhiệt từ công đoạn sấy keo → Chụp hút/ống hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất: 8.000m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

+ Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Định kỳ 6 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý khí thải của cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến vận hành trong 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống thu hồi bụi thải từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tấm, công suất 30.000m³/giờ (01 hệ thống xử lý khí thải OK1).

- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun keo và sấy keo trong quá trình sản xuất bông tấm, công suất 8.000m³/giờ (01 hệ thống xử lý khí thải OK2).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí, tại ống thoát khí thải của hệ thống thu hồi bụi thải từ công đoạn trải bông, dàn hình trong quá trình sản xuất bông tấm, công suất 30.000m³/giờ (OK1).

- 01 vị trí, tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun keo và sấy keo trong quá trình sản xuất bông tấm, công suất 8.000m³/giờ (OK2).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.5. kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực đặt dây chuyền sản xuất bông tằm;
- Nguồn số 02: Từ khu vực đặt dây chuyền chần bông;
- Nguồn số 03: Từ khu vực may sản phẩm;
- Nguồn số 04: Từ khu vực sấy keo;
- Nguồn số 05: Từ quạt hút của hệ thống thu hồi bụi thải số 01;
- Nguồn số 06: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 02;
- Nguồn số 07: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

+ Tiếng ồn trong khu vực sản xuất: Trong mọi thời điểm làm việc mức áp suất âm cực đại không vượt quá 85 dBA.

+ Tiếng ồn ngoài khu vực hoạt động:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
2	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Thực hiện giải pháp cách ly tiếng ồn, như: Bố trí thiết bị có tiếng ồn cao trong phòng riêng, bố trí phòng điều khiển nơi làm việc của công nhân riêng để cách ly với các thiết bị có tiếng ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

- Lắp đặt đệm giảm chấn cho các thiết bị, động cơ có độ rung lớn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	3
2	Dầu nhớt, dầu máy từ quá trình bảo dưỡng máy móc thải bỏ	17 02 03	25
Tổng			28

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Các loại chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bìa carton, giấy photo thải tại văn phòng	50
2	Bao bì, thùng đựng nguyên vật liệu, sản phẩm không dính hóa chất thải bỏ	3.000
3	Giẻ lau, găng tay, đồ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại thải bỏ	50
4	Vải, chỉ vụn thải bỏ	4.200
5	Bông vụn thải bỏ	3.000
6	Túi lọc bụi thải bỏ	17
Tổng		10.317

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 15.444 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	150

2	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	50
3	Than hoạt tính thải bỏ	18 02 01	400
4	Hộp mực in thải	08 02 04	3
5	Cặn keo thải	08 03 01	500
Tổng			1.103

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho chứa CTNH: 01 kho.
- Diện tích kho chứa: Tổng diện tích 4,5m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa chất thải rắn thông thường: 01 kho.
- Diện tích kho chứa: Tổng diện tích 19,5m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho.
- Diện tích kho chứa: Tổng diện tích 24m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Nghiêm cấm hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nghiêm cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.